TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: **68**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 5 - 2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Doanh

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài- Thẩm tra viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Y - Sinh năm 1995.

Nơi ĐKHKTT: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện trú tại: Đội 16, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Tống Văn P - Sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang trú tại: Số nhà 136, tổ 5, khu phố 4, đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Y. Vắng mặt anh P (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 20/3/2019, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Trần Thị Y trình bày:

Chị đăng ký kết hôn với anh Tống Văn P vào ngày 11/4/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2018. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau nên làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tống Thảo P - Sinh ngày 09/03/2015. Chị Y nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2019 và Bản tự khai, bị đơn là anh Tống Văn P trình bày:

Anh và chị Trần Thị Y đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 11/4/2014. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi nhau do tính tình không hợp, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2018. Nay chị Y xin ly hôn, anh P nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tống Thảo P - Sinh ngày 09/03/2015. Anh P nhận nuôi con chung với lý do anh có điều kiện nuôi con hơn chị Y, thu nhập hàng tháng của anh là 18 đến 20 triệu đồng và chị Y hay đánh con khi cho ăn.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Y: Vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71; 72 BLTTDS;

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt anh P là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình:

Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Tống Văn P.

Về con chung: Giao con chung là Tống Thảo P - Sinh ngày 09/03/2015 cho chị Y nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt anh P là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: Chị Trần Thị Y kết hôn với anh Tống Văn P ngày 11/4/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa chị Y và anh P đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau. Việc chị Y và anh P đều nhất trí ly hôn là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật cũng như đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tống Thảo P - Sinh ngày 09/03/2015.

3.1. Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, thì thấy rằng:

- Anh P nhận nuôi con chung với lý do anh đủ điều kiện nuôi con hơn chị Y, thu nhập hàng tháng của anh là 18 đến 20 triệu đồng và chị Y hay đánh con khi cho ăn. Đây là lời khai của anh P nhưng anh P không có các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho những vấn đề trên nên không có cơ sở để chấp nhận.

- Hiện nay con chung giữa chị Y và anh P còn nhỏ và đang ở cùng chị Y tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, chị Y cũng đã xuất trình được tài liệu chứng minh việc chị đang đi làm tại Công ty cổ phần cơ khí và thương mại Nam Hà với mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng vì vậy chị Y có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Tống Thảo P. Hội đồng xét xử xét thấy: Để bảo đảm sự ổn định trong cuộc sống, đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục đối với trẻ nhỏ nên giao cháu Tống Thảo P - Sinh ngày 09/03/2015 cho chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

3.2. Việc chị Y nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Về tài sản, khoản nợ chung: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị Y và anh P có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Y nộp theo quy định của pháp luật.

Các vấn đề khác đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Tống Văn P.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Y nuôi dưỡng con chung là Tống Thảo P - Sinh ngày 09/03/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Tống Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Trần Thị Y nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền số 04957 ngày 02/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị Y đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Anh Tống Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà